

# Bệnh Do Vi-rút Corona 2019 (COVID-19)

## Số ca bệnh tại Hoa Kỳ

Last updated on May 3, 2020

TỔNG SỐ CA BỆNH

**1,122,486**

29,671 Số ca bệnh mới\*

TỔNG SỐ CA TỬ VONG

**65,735**

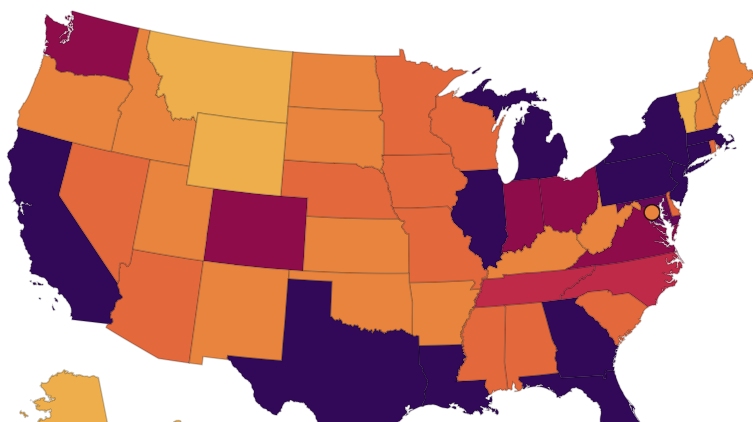
1.452 Ca Tử Vong Mới\*



## Số Ca Bệnh và Tử Vong theo Tiểu Bang

Bản đồ này thể hiện số ca bệnh và tử vong do COVID-19 theo báo cáo từ các tiểu bang của Hoa Kỳ, Thủ Đô Washington và các khu vực phân quyền khác thuộc Hoa Kỳ. [Sở y tế của mỗi khu vực phân quyền](#) báo cáo mức độ lây lan của chủng vi-rút này trong cộng đồng của họ.

20 tiểu bang báo cáo trên 10.000 ca bệnh COVID-19.



### Các Ca Bệnh Đã Được Báo Cáo

- 0 đến 100
- 101 đến 1.000
- 1,001 đến 5,000
- 5,001 đến 10,000
- 10,001 đến 15,000
- 15,001 đến 20,000
- 20,001 đến 25,000
- 25.001 trở lên



AS GU MH FM MP PW PR VI



### Khu vực phân quyền

Khu vực phân quyền	Ca Bệnh	Số Ca Tử Vong	Lây Lan Cộng Đồng
<input type="radio"/> <a href="#">Alabama</a>	7,611	288	Có, (các) khu vực đã được xác...
<input type="radio"/> <a href="#">Alaska</a>	365	9	Có, (các) khu vực đã được xác...
<input type="radio"/> <a href="#">American Samoa</a>	0	0	Không áp dụng
<input type="radio"/> <a href="#">Arizona</a>	8,364	348	Có, lây lan diện rộng
<input type="radio"/> <a href="#">Arkansas</a>	3,372	72	Có, lây lan diện rộng
<input type="radio"/> <a href="#">California</a>	52,197	2,171	Có, lây lan diện rộng
<input type="radio"/> <a href="#">Colorado</a>	16,120	832	Có, lây lan diện rộng
<input type="radio"/> <a href="#">Connecticut</a>	29,287	2,436	Có, lây lan diện rộng
<input type="radio"/> <a href="#">Delaware</a>	5,038	168	Có, lây lan diện rộng
<input type="radio"/> <a href="#">Washington D.C.</a>	4,797	240	Chưa xác định
<input type="radio"/> <a href="#">Florida</a>	35,463	1,364	Có, lây lan diện rộng
<input type="radio"/> <a href="#">Georgia</a>	28,215	1,172	Có, lây lan diện rộng
<input type="radio"/> <a href="#">Guam</a>	148	5	Có, lây lan diện rộng
<input type="radio"/> <a href="#">Hawaii</a>	620	16	Có, (các) khu vực đã được xác...
<input type="radio"/> <a href="#">Idaho</a>	2,061	64	Có, lây lan diện rộng
<input type="radio"/> <a href="#">Illinois</a>	58,505	2,559	Có, lây lan diện rộng
<input type="radio"/> <a href="#">Indiana</a>	19,295	1,229	Chưa xác định
<input type="radio"/> <a href="#">Iowa</a>	8,641	175	Có, lây lan diện rộng
<input type="radio"/> <a href="#">Kansas</a>	4,746	131	Có, (các) khu vực đã được xác...
<input type="radio"/> <a href="#">Kentucky</a>	4,879	248	Chưa xác định
<input type="radio"/> <a href="#">Louisiana</a>	29,140	1,950	Có, lây lan diện rộng
<input type="radio"/> <a href="#">Maine</a>	1,152	56	Có, lây lan diện rộng
<input type="radio"/> Marshall Islands	0	0	Không áp dụng
<input type="radio"/> <a href="#">Maryland</a>	24,473	1,251	Có, lây lan diện rộng
<input type="radio"/> <a href="#">Massachusetts</a>	66,263	3,846	Có, lây lan diện rộng
<input type="radio"/> <a href="#">Michigan</a>	43,207	4,020	Có, lây lan diện rộng
<input type="radio"/> <a href="#">Micronesia</a>	0	0	Không áp dụng
<input type="radio"/> <a href="#">Minnesota</a>	6,228	395	Có, lây lan diện rộng
<input type="radio"/> <a href="#">Mississippi</a>	7,441	291	Có, lây lan diện rộng
<input type="radio"/> <a href="#">Missouri</a>	8,154	351	Có, lây lan diện rộng
<input type="radio"/> <a href="#">Montana</a>	455	16	Có, (các) khu vực đã được xác...
<input type="radio"/> <a href="#">Nebraska</a>	5,326	76	Có, lây lan diện rộng
<input type="radio"/> <a href="#">Nevada</a>	5,311	257	Có, lây lan diện rộng
<input type="radio"/> <a href="#">New Hampshire</a>	2,422	24	Có, lây lan diện rộng

<input type="radio"/> <a href="#">New Hampshire</a>	2,429	84	Có, lây lan diện rộng
<input type="radio"/> <a href="#">New Jersey</a>	123,717	7,742	Có, lây lan diện rộng
<input type="radio"/> <a href="#">New Mexico</a>	3,732	139	Có, lây lan diện rộng
<input type="radio"/> <a href="#">New York</a>	307,506	23,826	Có, lây lan diện rộng
<input type="radio"/> <a href="#">North Carolina</a>	11,509	420	Có, lây lan diện rộng
<input type="radio"/> <a href="#">North Dakota</a>	1,153	24	Có, (các) khu vực đã được xác...
<input type="radio"/> <a href="#">Northern Marianas</a>	14	2	Chưa xác định
<input type="radio"/> <a href="#">Ohio</a>	19,335	1,021	Có, (các) khu vực đã được xác...
<input type="radio"/> <a href="#">Oklahoma</a>	3,851	238	Có, lây lan diện rộng
<input type="radio"/> <a href="#">Oregon</a>	2,635	109	Có, lây lan diện rộng
<input type="radio"/> <a href="#">Palau</a>	0	0	Không áp dụng
<input type="radio"/> <a href="#">Pennsylvania</a>	48,305	2,418	Có, (các) khu vực đã được xác...
<input type="radio"/> <a href="#">Puerto Rico</a>	1,757	95	Chưa xác định
<input type="radio"/> <a href="#">Rhode Island</a>	9,289	296	Có, lây lan diện rộng
<input type="radio"/> <a href="#">South Carolina</a>	6,489	267	Có, (các) khu vực đã được xác...
<input type="radio"/> <a href="#">South Dakota</a>	2,588	21	Có, (các) khu vực đã được xác...
<input type="radio"/> <a href="#">Tennessee</a>	12,661	209	Có, (các) khu vực đã được xác...
<input type="radio"/> <a href="#">Texas</a>	30,552	847	Có, (các) khu vực đã được xác...
<input type="radio"/> <a href="#">Utah</a>	4,981	49	Có, lây lan diện rộng
<input type="radio"/> <a href="#">Vermont</a>	886	51	Có, lây lan diện rộng
<input type="radio"/> <a href="#">Virgin Islands</a>	66	4	Có, (các) khu vực đã được xác...
<input type="radio"/> <a href="#">Virginia</a>	17,731	616	Có, lây lan diện rộng
<input type="radio"/> <a href="#">Washington</a>	15,003	830	Có, lây lan diện rộng
<input type="radio"/> <a href="#">West Virginia</a>	1,184	50	Có, (các) khu vực đã được xác...
<input type="radio"/> <a href="#">Wisconsin</a>	7,660	334	Có, lây lan diện rộng
<input type="radio"/> <a href="#">Wyoming</a>	579	7	Có, (các) khu vực đã được xác...

## Số ca bệnh và tử vong theo quận

Chọn một tiểu bang để xem số ca bệnh và tử vong theo quận. Dữ liệu này được cung cấp từ [USAFACTS.ORG](#)

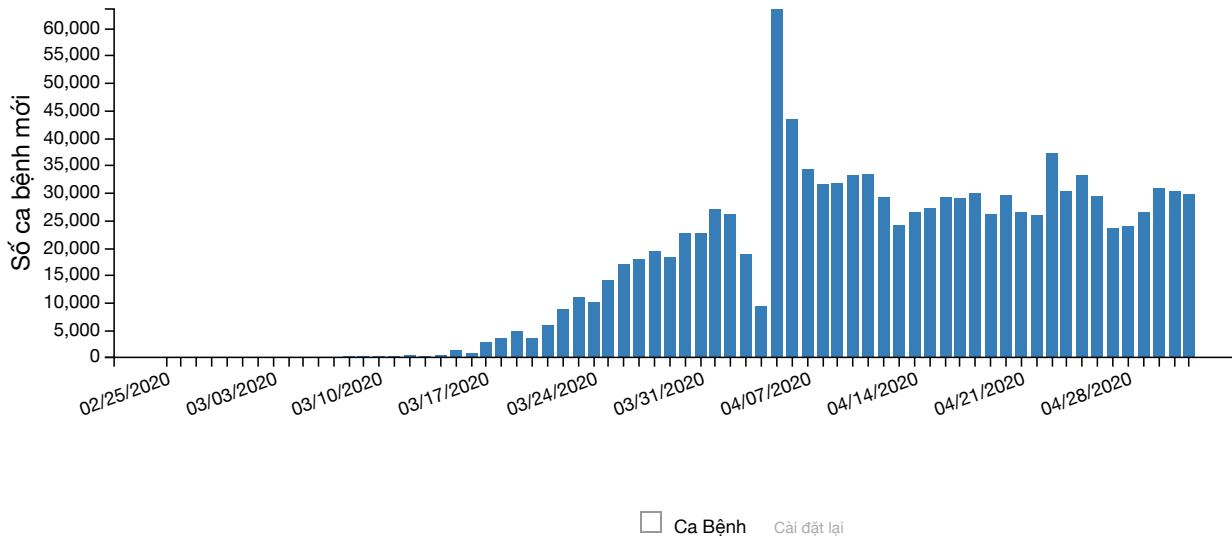
Chọn một Tiểu Bang



Hiển Thị Dữ Liệu Quốc Gia

## Ca Bệnh Mới theo Ngày

Biểu đồ sau đây thể hiện số ca nhiễm COVID-19 mới được báo cáo theo ngày tại Hoa Kỳ kể từ đầu giai đoạn bùng phát.



Xem dữ liệu theo ngày

	02/25/2020	02/26/2020	02/27/2020	02/28/2020	02/29/2020	03/01/2020	03/02/2020	03/03/2020	03/04/2020
Ca Bệnh	0	0	1	0	8	6	23	25	20

Cuộn để xem thông tin bổ sung

## Đặc điểm dân số của các ca bệnh COVID-19 tại Hoa Kỳ.

Nhóm tuổi (tuổi)	Số ca (% trên tổng số)					Không xác định	Tổng
	< 18	18-44	45-64	65-74	75+		
<b>Tổng số</b>	18,722	300,445	293,466	91,403	104,879	54,439	863,354
<b>Thiếu/chủng tộc chưa xác định</b>	12,431 (66.4%)	186,923 (62.2%)	170,758 (58.2%)	44,159 (48.3%)	42,718 (40.7%)	18,065 (33.2%)	475,054 (55.0%)
<b>Đã xác định chủng tộc</b>	6,291 (33.6%)	113,522 (37.8%)	122,708 (41.8%)	47,244 (51.7%)	62,161 (59.3%)	36,374 (66.8%)	388,300 (45.0%)
<b>Trong số những ca có xác định chủng tộc</b>							
<b>Người Mỹ Da Đỏ và Người Alaska Bản Địa</b>	140 (2.2%)	1,200 (1.1%)	1,003 (0.8%)	269 (0.6%)	184 (0.3%)	140 (0.4%)	2,936 (0.8%)
<b>Người Châu Á</b>	291 (4.6%)	5,923 (5.2%)	6,437 (5.2%)	2,143 (4.5%)	2,284 (3.7%)	1,737 (4.8%)	18,815 (4.8%)

<b>Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi</b>	1,458 (23.2%)	31,169 (27.5%)	37,939 (30.9%)	14,974 (31.7%)	13,343 (21.5%)	11,730 (32.2%)	110,613 (28.5%)
<b>Người Hawaii bản địa hoặc người đảo Thái Bình Dương khác</b>	40 (0.6%)	465 (0.4%)	349 (0.3%)	108 (0.2%)	69 (0.1%)	78 (0.2%)	1,109 (0.3%)
<b>Người Da Trắng</b>	3,124 (49.7%)	56,399 (49.7%)	60,415 (49.2%)	25,112 (53.2%)	41,592 (66.9%)	15,943 (43.8%)	202,585 (52.2%)
<b>Đa chủng tộc/khác</b>	1,238 (19.7%)	18,366 (16.2%)	16,565 (13.5%)	4,638 (9.8%)	4,689 (7.5%)	6,746 (18.5%)	52,242 (13.5%)
<b>Thiếu/dân tộc chưa xác định</b>	12,260 (65.5%)	194,525 (64.7%)	182,413 (62.2%)	50,709 (55.5%)	53,879 (51.4%)	21,528 (39.5%)	515,314 (59.7%)
<b>Đã xác định dân tộc</b>	6,462 (34.5%)	105,920 (35.3%)	111,053 (37.8%)	40,694 (44.5%)	51,000 (48.6%)	32,911 (60.5%)	348,040 (40.3%)
<b>Trong số những ca có xác định dân tộc</b>							
<b>Dân tộc gốc Tây Ban Nha/Châu Mỹ La Tinh</b>	2,611 (40.4%)	33,719 (31.8%)	28,157 (25.4%)	7,206 (17.7%)	6,464 (12.7%)	10,394 (31.6%)	88,551 (25.4%)
<b>Không phải dân tộc gốc Tây Ban Nha/Châu Mỹ La Tinh</b>	3,851 (59.6%)	72,201 (68.2%)	82,896 (74.6%)	33,488 (82.3%)	44,536 (87.3%)	22,517 (68.4%)	259,489 (74.6%)

## Dữ Liệu Trước Đó về Ca Bệnh COVID-19 tại Hoa Kỳ

CDC đã chuyển các thông tin sau đến [Dữ liệu trước đây về số ca bệnh COVID-19 tại Hoa Kỳ](#)

- Người dân ở Hoa Kỳ mắc bệnh COVID-19 từ khi nào,
- Người dân tại Hoa Kỳ mắc bệnh COVID-19 như thế nào và
- Số ca bệnh COVID-19 từ Vũ Hán, Trung Quốc và du thuyền Diamond Princess.

## Về Dữ Liệu

### Được Cập Nhật Hàng Ngày

Trang này được cập nhật hàng ngày dựa trên dữ liệu được xác nhận lúc 4:00 giờ chiều giờ miền Đông vào ngày hôm trước.

Các con số được báo cáo vào Thứ Bảy và Chủ Nhật là sơ bộ và chưa có xác nhận của các sở y tế tiểu bang và vùng lãnh thổ. Các con số này có thể được điều chỉnh khi số liệu được cập nhật vào các ngày Thứ Hai.

### Số khu vực phân quyền

Hiện đã có 55 khu vực phân quyền thuộc Hoa Kỳ báo cáo số ca bệnh COVID-19. Số này bao gồm 50 tiểu bang, Thủ Đô Washington, Đảo Guam, Quần Đảo Bắc Mariana, Puerto Rico và Quần Đảo Virgin thuộc Hoa Kỳ.

## Số Ca Bệnh Đã Xác Nhận và Có Khả Năng

Tính đến ngày 14 tháng 4, 2020, số ca CDC và số ca tử vong bao gồm cả những ca đã xác nhận nhiễm và các ca có thể nhiễm và số ca tử vong. Sự thay đổi này được thực hiện nhằm thể hiện [báo cáo tình hình tạm thời về COVID-19](#) do Hội Đồng Các Nhà Dịch Tế Học Lãnh Thổ và Tiểu Bang ban hành vào ngày 5 tháng 4 năm 2020. Báo cáo quan điểm này bao gồm định nghĩa về ca bệnh và làm cho COVID-19 trở thành căn bệnh phải khai báo trên toàn quốc.

Một ca xác nhận nhiễm hoặc tử vong được xác định bằng việc đáp ứng đầy đủ bằng chứng xét nghiệm xác nhận đối với COVID-19.

Ca có khả năng nhiễm hoặc tử vong được xác định bằng một trong các hình thức sau:

- Đáp ứng tiêu chí lâm sàng VÀ bằng chứng dịch tế học mà không thực hiện xét nghiệm tại phòng thí nghiệm để xác nhận nhiễm COVID-19
- Đáp ứng bằng chứng xét nghiệm giả định VÀ tiêu chí lâm sàng HOẶC bằng chứng dịch tế học
- Đáp ứng tiêu chí về chỉ số sinh tồn mà không thực hiện xét nghiệm tại phòng thí nghiệm để xác nhận nhiễm COVID19

## Lây Lan Cộng Đồng

Sở y tế các tiểu bang báo cáo mức độ lây truyền (lây lan) COVID-19 trong cộng đồng theo một trong các mức sau:

- "Có, lây lan diện rộng" - được định nghĩa là lây truyền lan rộng trong cộng đồng trên nhiều khu vực địa lý
- "Có, tại (các) khu vực đã được vạch rõ ranh giới" - được định nghĩa là các cụm ca bệnh riêng lẻ tại một hay một vài khu vực địa lý đã được vạch rõ ranh giới
- "Chưa xác định" - được định nghĩa là đã có 1 ca bệnh trở lên nhưng chưa được phân loại là "Có" lây truyền cộng đồng
- "Không áp dụng" - được định nghĩa là không có ca bệnh

## Thông Báo Về Ca Bệnh

Thông báo ca bệnh do CDC tiếp nhận từ các khu vực phân quyền về y tế công cộng của Hoa Kỳ và [Hệ Thống Giám Sát Bệnh Phải Khai Báo Quốc Gia \(NNDSS\)](#).

## Độ Chính Xác của Dữ Liệu

CDC không biết chính xác số lượng trường hợp mắc bệnh COVID-19, nhập viện và tử vong vì nhiều lý do. COVID-19 có thể gây ra bệnh nhẹ, các triệu chứng có thể không xuất hiện ngay lập tức, có sự chậm trễ trong báo cáo và xét nghiệm, không phải ai bị nhiễm cũng được xét nghiệm hoặc có được dịch vụ chăm sóc y tế, và có thể có sự

khác biệt trong cách các tiểu bang và vùng lãnh thổ xác nhận các con số trong phạm vi phân quyền của họ.

Hiện các sở y tế công cộng địa phương và tiểu bang đang tiến hành xét nghiệm và báo cáo công khai các ca bệnh của họ. Trong trường hợp có sự khác biệt giữa số ca bệnh theo CDC và số ca bệnh theo báo cáo của nhân viên y tế công cộng tiểu bang và địa phương, thì dữ liệu báo cáo của các tiểu bang sẽ được coi là dữ liệu mới nhất.

## Thông Tin Thêm

[COVIDView – A Weekly Surveillance Summary of U.S. COVID-19 Activity](#)

[Dữ Liệu Trước Đó về Ca Bệnh COVID-19 tại Hoa Kỳ](#)

[Câu Hỏi Thường Gặp: Dữ Liệu và Giám Sát Tình Hình COVID-19](#)

[Xét Nghiệm Tại Hoa Kỳ](#)

[Bản Đồ Thế Giới](#)

[Sở Y Tế](#)

Lần cuối xem xét trang này: Ngày 3 Tháng Năm năm 2020

Nguồn nội dung: Trung Tâm Quốc Gia về Chủng Ngừa và Bệnh Hô Hấp (NCIRD), Phân Ban Bệnh Do Vi-rút